Ngày soạn: 3 / 9 /024

Ngày dạy: 6 / 9 /2024

**CHỦ ĐỀ 6: TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG**

**BÀI 17: TẾ BÀO**

**Thời gian thực hiện 5 tiết( T1- 5)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm, chức năng của tế bào.

- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.

-Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào.

- Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, tế bào động vật và tế bào thực vật. Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.

- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống.

- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào và nêu được ý nghĩa của quá trình đó.

**2. Về năng lực**

**2.1. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được khái niệm và chức năng của tế bào; Nêu được hình dạng và kích thước điển hình của một số loại tế bào; Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phẩn chính của tế bào; Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, tế bào động vật và tế bào thực vật; Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh; Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống; Nhận biết được sự lớn lên và phân chia của tê' bào và nêu được ý nghĩa của quá trình đó;
* Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, phân biệt được tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực, tế bào động vật, tế bào thực vật.
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Nhận ra và giải thích được một số hiện tượng liên quan trong thực tiễn như: sự lớn lên của sinh vật, hiện tượng lành vết thương, hiện tượng mọc lại đuôi ở một số sinh vật...

**2.2. Năng lực chung**

* Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong học tập khi tìm hiểu về tế bào
* Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm, trao đổi về đặc điểm cấu tạo và sự phân chia của tế bào.
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng học được của bài tế bào để giải quyết vấn đề liên quan trong học tập và trong cuộc sống.

**3. Về phẩm chất:**

- Tích cực, chăm chi, có trách nhiệm trong hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân và của nhóm.

- Trung thực trong học tập, đánh giá các kết quả học tập của bản thân và các bạn.

- Yêu thích bộ môn, thích khám phá, tìm hiểu kiến thức sinh học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Hình vẽ: 17.1- SGK/85; 17.2, 17.3- SGK/86; 17.4, 17.5 – SGK/87; 17.6 (a,b), 17.7 (a,b), 17.8 –SGK/88 ).

- Tranh cấu tạo tế bào, sự lớn lên và phân chia của tế bào.

- Clip sự lớn lên của thực vật (cây đậu)

- Phiếu học tập số 1, 2, 3.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

Giới thiệu đơn vị cơ sở cấu tạo nên một số vật thể như: ngôi nhà, tổ ong, cơ thể sinh vật.

**a) Mục tiêu:**

- Xác định được đơn vị cấu tạo cơ sở nên một số vật thể như: ngôi nhà, tổ ong, cơ thể sinh vật.

**b) Nội dung:**

- Yêu cầu học sinh quan sát tổ ong, ngôi nhà đang xây, …

- Quan sát để tìm ra các đơn vị cấu trúc nên tổ ong, hay ngôi nhà, cơ thể động vật, thực vật.

**c) Sản phẩm:**

- Các phương án trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV: Quan sát để tìm ra các đơn vị cấu trúc nên tổ ong, hay ngôi nhà…

- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: “Xác định được đơn vị cấu tạo cơ sở nên một số vật thể như: ngôi nhà, tổ ong, cơ thể sinh vật…là gì?

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh 17.1, thảo luận nhóm.

- Đại diện HS trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV gọi đại diện của mỗi nhóm trình bày nội dung đã thảo luận.

- GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV: Nhận xét, khen ngợi.

- Đơn vị cơ sở cấu tạo nên tổ ong: Mỗi khoang nhỏ.

- Đơn vị cơ sở cấu tạo nên ngôi nhà: Viên gạch.

- Đơn vị cơ sở cấu tạo nên cơ thể sinh vật: Tế bào.

\* GV chuẩn hóa kiến thức: Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đặc điểm của tế bào**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận diện được tế bào.

- So sánh được kích thước một số loại tế bào (tế bào vi khuẩn, tế bào thực vật, tế bào động vật)

- Mô tả được hình dạng đặc trưng của của tế bào (tế bào hồng cầu, tế bào cơ, tế bào thần kinh…)

- Ý nghĩa của sự khác nhau về hình dạng và kích thước của tế bào đối với sinh vật.

**b) Nội dung:**

HS quan sát tranh 17.2, 17.3 trang 86 thảo luận nhóm.

**c)** **Sản phẩm**

Học sinh nhận xét được trong cơ thể sinh vật mỗi tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau, sẽ thực hiện các chức năng khác nhau đặc trưng của sự sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Quan sát hình 17.2, 17.3- SGK/ 86 thảo luận nhóm (5 phút)

1. Nhận xét về kích thước và hình dạng của tế bào? Cho ví dụ minh họa?
2. Sự khác nhau về kích thước và hình dạng có ý nghĩa gì đối với sinh vật?

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh nghiên cứu hình vẽ thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

B3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Báo cáo kết quả hoạt động và đánh giá nhận xét.

+ GV gọi đại diện của mỗi nhóm trình bày nội dung đã thảo luận.

+ GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV: Nhận xét:

1. Trong cơ thể sinh vật, mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước là khác nhau.

Kích thước:

VD: Tế bào vi khuẩn, tế bào động vật, tế bào thực vật có kích thước nhỏ bé, mắt thường không thể nhìn thấy được, chỉ có thể quan sát bằng kính hiển vi.

Một số loại tế bào như tế bào trứng cá chép, trứng ếch...có kích thước lớn hơn có thể nhìn được bằng mắt thường.

Hình dạng:

Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau: Hình cầu (tế bào trứng); hình đĩa (tế bào hồng cầu); hình sợi (tế bào sợi nấm); hình sao (tế bào thần kinh); hình trụ (tế bào lót xoang mũi); hình thoi (tế bào cơ trơn); hình nhiều cạnh (tế bào biểu bì).

2. Ý nghĩa về sự khác nhau về kích thước và hình dạng:

Mỗi loại tế bào có kích thước và hình dạng khác nhau để thực hiện các chức năng khác nhau đặc trưng của sự sống.

3. Giáo viên giới thiệu thêm cách quan sát tế bào.

TB có kích thước nhỏ: quan sát bằng kính hiển vi

Tế bào có kích thước lớn (tép cam, tép bưởi, trứng cá, trứng ếch…) quan sát bằng mắt thường, cách quan sát chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn trong bài học sau “Thực hành quan sát tế bào sinh vật”

* Gv chốt lại kiến thức trọng tâm:
* Tế bào có kích thước nhỏ, phần lớn đều được quan sát dưới kính hiển vi.
* Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau: hình đĩa, hình sợi, hình sao, hình thoi...
* Mỗi loại tế bào có kích thước và hình dạng khác nhau để thực hiện các chức năng khác nhau đặc trưng của sự sống.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các thành phần chính của tế bào**

**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào.

- So sánh được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, phân biệt tế bào động vật và tế bào thực vật. Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.

**b) Nội dung:**

Quan sát hình 17.4, 17.5 – SGK, hoàn thành nội dung phiếu học tập số 1, 2, 3.

**c) Sản phẩm:**

Học sinh chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực qua kết quả phiếu học tập số 1.

Chỉ ra thành phần chính của tế bào và chức năng mỗi thành phần đó thông qua phiếu học tập số 2.

Chỉ ra điểm khác biệt của tế bào thực vật và tế bào thực vật, giải thích được vì sao thực vật có khả năng quang hợp qua phiếu học tập số 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Chia lớp thành 6 nhóm

Quan sát hình 17.4, 17.5 – SGK, hoàn thành nội dung phiếu học tập số 1, 2, 3.

Nhóm 1,2: hoàn thành phiếu học tập số 1

Nhóm 3,4: hoàn thành phiếu học tập số 2

Nhóm 5,6: hoàn thành phiếu học tập số 3

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh nghiên cứu hình vẽ thảo luận nhóm hoàn thành nội dung 3 phiếu học tập.

B3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện các nhóm trình bày nội dung phiếu học tập nhóm mình.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác nhận xét.

+ GV: Nhận xét, chiếu đáp án.

+ GV kiểm tra sản phẩm các nhóm, đưa các nhóm chấm chéo nhau.

**Đáp án PHT số 1**

**SO SÁNH CẤU TẠO TẾ BÀO NHÂN SƠ VÀ TẾ BÀO NHÂN THỰC**

+ Giống nhau:

Đều có: 1. Màng tế bào; 2. Chất tế bào;

+ Khác nhau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tế bào nhân sơ** | **Tế bào nhân thực** |
| Chỉ có vùng nhân | Có nhân tế bào chính thức. |

**Đáp án PHT số 2**

1- B; 2- C; 3- A

**Đáp án PHT số 3**

**Thời gian 3 phút**

**Câu1. Nêu điểm khác biệt của tế bào thực vật và tế bào động vật.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm phân biệt** | **Tế bào thực vật** | **Tế bào động vật** |
| 1. Hình dạng | Hình lục giác | Hình cầu |
| 1. Lục lạp | Có | Không |

**Câu 2.** Tại sao thực vật có khả năng quang hợp?

- Thực vật có bào quan lục lạp nên có khả năng quang hợp.

\* GV chuẩn hóa kiến thức:

- Tế bào được cấu tạo từ 3 thành phần chính: màng sinh chất, chất tế bào, nhân tế bào (tế bào nhân thực) hoặc vùng nhân (tế bào nhân sơ). Các thành phần này thực hiện các chức năng khác nhau.

- Tế bào động vật và tế bào thực vật đều là tế bào nhân thực.

- Tế bào thực vật có bào quan lục lạp thực hiện quá trình quang hợp.

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về sự lớn lên và sinh sản của tế bào**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh mô tả được sự sinh sản của tế bào qua hai giai đoạn. (Cả tế bào thực vật và tế bào động vật)

- Áp dụng để tính được số tế bào con được sinh ra ở lần phân chia thứ 1,2,3,..n

- Chỉ ra được ý nghĩa của sự sinh sản của tế bào đối với sinh vật.

**b) Nội dung:**

Học sinh quan sát tranh 17.6 (a, b), 17.7 (a, b), 17.8, 17.9 – SGK/ 88, 89 và clip sự lớn lên của cây Đậu, thảo luận trả lời câu hỏi giáo viên.

**c)** **Sản phẩm**

- Là kết quả thảo luận hay làm việc cá nhân để thực hiện được mục tiêu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

1. Quan sát hình 17.6; 17.7 – SGK/mô tả lại quá trình sinh sản của tế bào động vật và tế bào thực vật?

2. Quan sát hình 17.8. Hãy tính số tế bào con được tạo ra ở lần phân chia thứ 1,2,3 của tế bào? Từ đó xây dựng công thức số tế bào con được tạo ra ở lần phân chia thứ n từ 1 tế bào mẹ ban đầu.

3. Quan sát hình 17.9 và clip sự lớn lên của cây Đậu. Ý nghĩa sự sinh sản của tế bào đối với sinh vật?

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh nghiên cứu hình vẽ, clip thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi đại diện của mỗi nhóm trình bày nội dung đã thảo luận.

+ Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV: Nhận xét hoạt động của các nhóm.

1. Quá trình sinh sản của tế bào động vật và tế bào thực vật:

Đầu tiên một nhân hình thành 2 nhân.

Sau đó tế bào chất phân chia, xuất hiện một vách ngăn, ngăn đôi tế bào cũ thành hai tế bào con. (thực vật)

Ở động vật: sự phân chia bằng cách hình thành eo thắt ở trung tâm, từ một tế bào mẹ cho ra hai tế bào con.

1. Quan sát hình 17.8.

Số tế bào con được tạo ra ở lần phân chia thứ 1: 2 ( = 21 )

Số tế bào con được tạo ra ở lần phân chia thứ 2: 4 (= 22 )

Số tế bào con được tạo ra ở lần phân chia thứ 3: 8 (= 23 )

Số tế bào con được tạo ra ở lần phân chia thứ n : …(= 2n )

3. Ý nghĩa sự sinh sản của tế bào đối với sinh vật:

- Là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật.

- Giúp thay thế tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật.

\* Gv chuẩn hóa lại kiến thức:

- Tế bào thực hiện trao đổi chất để lớn lên, khi đạt kích thước nhất định một số tế bào thực hiện phân chia tạo ra các tế bào con (sự sinh sản của tế bào).

- Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật; giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật.

-> Tế bào vừa là đơn vị cấu trúc, vừa là đơn vị chức năng của mọi cơ thể sống.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học trong bài trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm.

**b) Nội dung:**

Sử dụng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm sau:

**Câu 1. Chức năng của màng tế bào là**

A) chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

B) bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.

C) chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

D) tham gia vào quá trình quang hợp của tế bào.

**Câu 2. Thành phần nào có chức năng điều khiển hoạt động của tế bào?**

A) Nhân.

B) Tế bào chất.

C) Màng tế bào.

D) Lục lạp.

**Câu 3. Thành phần chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào là**

A) nhân.

B) tế bào chất.

C) màng tế bào.

D) lục lạp.

**Câu 4. Hình dạng của tế bào**

A) Hình cầu, hình thoi.

B) Hình đĩa, hình sợi.

C) Hình sao, hình trụ.

D) Nhiều hình dạng.

**c) Sản phẩm:** Là các phương án trả lời của học sinh.

1-B; 2-A; 3-B; 4-D.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: chiếu các câu hỏi trắc nghiệm, yêu cầu làm việc cá nhân.

-Cá nhân học sinh vận dụng kiến thức, hoàn thành nội dung các câu trắc nghiệm.

- Báo cáo, thảo luận: Đại diện học sinh trả lời từng câu hỏi.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ Nhận xét kết quả làm việc của học sinh.

+ Chuẩn hóa kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

**-** Học sinh chứng minh được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống.

**-** Giải thích được hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn.

**b) Nội dung:** HS thảo luận và trả lời câu hỏi

1. Chứng minh được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống?

2. Giải thích được hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn?

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh, giải quyết nhiệm vụ được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên chiếu nội dung hai câu hỏi vận dụng. Yêu cầu thảo luận nhóm.

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh vận dụng kiến thức, thảo luận hoàn thành nội dung hai câu trên.

B3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện nhóm trả lời từng câu hỏi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chuẩn hóa kiến thức.

1. Chứng minh được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống?

- Mọi cơ thể sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.

- Vì mọi hoạt động của cơ thể sống đều diễn ra tại tế bào. Tế bào thực hiện các chức năng của cơ thể sống như: TĐC, chuyển hóa năng lượng, sinh trưởng, phát triển, vận động, cảm ứng.

2. Giải thích được hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn?

- Do các tế bào có khả năng sinh sản để thay thế các tế bào đã mất.

**BÀI 17: TẾ BÀO**

**Phiếu học tập số 1. (Nhóm 1, 2)**

***Thời gian: 3 phút***

**Nhóm: ………………………………………............... Lớp: ……………………**

**SO SÁNH CẤU TẠO TẾ BÀO NHÂN SƠ VÀ TẾ BÀO NHÂN THỰC**

*+ Giống nhau:*

*..............................................................................................................................................................................................................................................................................*

*..............................................................................................................................................................................................................................................................................*

*+ Khác nhau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tế bào nhân sơ** | **Tế bào nhân thực** |
| *..............................................................................................................................................*  *.............................................................................................................................................* | *........................................................................................................................................................................................................................................................................* |

**Phiếu học tập số 2. (Nhóm 3, 4)**

***Thời gian 3 phút***

**Nhóm: ………………………………………............... Lớp: ……………………**

**Hãy xác định chức năng của các thành phần cấu tạo nên các tế bào bằng cách ghép thông tin cột A và cột B**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Cột A (Thành phần)*** | ***Cột B (Chức năng)*** | ***Trả lời*** |
| 1. *Màng tế bào* | *A) Chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.* |  |
| 1. *Chất tế bào* | *B) Bỏ vệ và kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.* |
| 1. *Nhân tế bào*   *(Vùng nhân)* | *C) Chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.* |

**Phiếu học tập số 3. (Nhóm 5, 6)**

***Thời gian 3 phút***

**Nhóm: ………………………………………............... Lớp: ……………………**

**Câu 1. Nêu điểm khác biệt của tế bào thực vật và tế bào động vật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm phân biệt** | **Tế bào thực vật** | **Tế bào động vật** |
| 1. *Hình dạng* |  |  |
| 1. *Lục lạp* |  |  |

**Câu 2. Tại sao thực vật có khả năng quang hợp?**